

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 28 - 02 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

2. Bà Đặng Thị Mỹ Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 692/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX - ST, ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Hồng G trình bày: Bà và ông Vũ Văn L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 04/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình, ông L không lo cho gia đình, không quan tâm đến bà và các con, khoảng 04 năm trở lại đây, bà phải tự lo toàn bộ kinh tế cho gia đình, ông L không phụ bất cứ khoản chi phí nào. Bà có nhiều lần thương lượng với ông L nhưng không có kết quả. Về sau ông L còn không chung thủy trong hôn nhân. Đỉnh điểm là ông L có quan hệ không trong sáng với cháu ruột của bà. Vấn đề này bà không thể tha thứ được, không thể nào tiếp tục chung sống với ông L. Năm 2022, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông L. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh A không chấp nhận cho bà ly hôn thì vợ chồng vẫn không cải thiện được tình

cảm, ông L và bà cũng không có phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, bà và ông L vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, độc lập về kinh tế và sinh hoạt. Việc ông L trình bày bà không chung thủy là đúng nhưng vì ông L có không chung thủy trước nên bà mới hành xử như vậy. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung, tên Vũ Trần Gia H, sinh ngày 28/4/2011 và Vũ Trần Ngọc H1, sinh ngày 14/3/2017. Hiện 02 con đang sống với bà và ông L. Tại phiên tòa, bà xác định, khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bà đang bán thuốc tây tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 25.000.000 đồng/tháng. Bà xác định bà có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc cho các con. Về chỗ ở, bà, ông L và các con hiện sống chung nhà. Khi ly hôn, bà và các con tiếp tục sống chung tại căn nhà trên nên chỗ ở của bà cũng ổn định. Hơn nữa, trước giờ bà là người chăm sóc chính cho 02 con nên bà tha thiết được trực tiếp nuôi các con, nhằm cho các con được sống cùng với nhau và được phát triển ổn định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Văn L trình bày: Ông thống nhất với bà G về thời gian chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông không đồng ý ly hôn, vì ông vẫn còn yêu thương vợ con. Những mâu thuẫn trong hôn nhân như bà G trình bày ông không đồng ý. Thời gian đầu, ông vẫn lo kinh tế cho gia đình nhưng cách đây khoảng 03 năm ông phát hiện bà G không chung thủy nên ông mới quản lý kinh tế riêng cho mình, không giao tiền cho bà G giữ nữa. Tuy nhiên, ông vẫn lo hầu hết việc chi tiêu lớn trong gia đình, bà G chỉ lo các chi tiêu nhỏ. Về việc bà G cho rằng ông đã từng có mối quan hệ không trong sáng với người khác bên ngoài, trong đó có cháu ruột của bà G, ông thừa nhận là đúng, mục đích là để trả thù bà G, vì bà G không chung thủy trước. Hiện tại, ông đã kết thúc mối quan hệ đó. Ông xác nhận, ông và bà G sống chung nhà nhưng mỗi người đều độc lập về kinh tế và sinh hoạt. Từ khi Tòa án nhân dân tỉnh A không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đến nay, ông cũng nhiều lần thương lượng với bà G, nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà G không đồng ý, không hợp tác. Ông cũng chưa có phương hướng cụ thể nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà G có 02 con chung như bà G trình bày là đúng. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn, ông yêu cầu nuôi cháu Vũ Trần Ngọc H1, sinh ngày 14/3/2017, đồng ý giao cháu Vũ Trần Gia H, sinh ngày 28/4/2011 cho bà G trực tiếp nuôi. Không bên nào cấp dưỡng bên nào. Ông xác nhận, bà G hiện đang bán thuốc tây tại nhà, thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng. Còn ông làm môi giới nhà đất, thu nhập không tính chính xác được. Khoảng 02 năm trở lại đây, ông không môi giới được nên ông không có thu nhập. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn và giao cháu H1 cho ông nuôi thì ông dự định khoảng vài năm sau, ông xây nhà ở chỗ khác và dẫn cháu H1 đi nơi khác sinh sống.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông và bà G không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Vũ Văn L hiện đang trú tại xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Về quyền khởi kiện: Tại bản án số 34/2022/HNGĐ-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A, quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông L. Ngày 13/12/2023, bà G nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông L. Như vậy, đã hết 01 năm kể từ thời điểm Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn, bà G nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm c mục 10 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định bà G có quyền khởi kiện và đã đủ điều kiện để nộp lại đơn khởi kiện ly hôn đối với ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Hồng G và ông Vũ Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Năm 2022, bà G nộp đơn xin ly hôn với ông L. Tại bản án số 34/2022/HNGĐ-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G, nhằm tạo điều kiện để ông bà suy nghĩ, quyết định lại chính xác về vấn đề hôn nhân của ông bà. Đến ngày 13/12/2023, bà G nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông L tại Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc. Qua đó, thấy rằng, thời gian vừa qua ông bà vẫn không cải thiện quan hệ hôn nhân của mình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để ông bà hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, xây dựng lại gia đình, lo cho các con nhưng không đạt được kết quả. Thấy rằng, quan hệ hôn nhân muốn duy trì bền vững và hạnh phúc thì phải dựa trên sự tự nguyện tình cảm từ hai phía. Tại phiên tòa, bà G xác định không còn tình cảm với ông L và cương quyết xin ly hôn, ông L không đồng ý ly hôn nhưng ngoài phương hướng thương lượng thì ông L không đưa ra được phương hướng và hành động cụ thể nào khác. Việc thương lượng này đã kéo dài nhiều năm nhưng bà G vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy phương hướng thương lượng mà ông L đưa ra là không có hiệu quả.

Đồng thời, bản thân bà G và ông L đều thừa nhận từ lâu ông bà chỉ sống chung nhà, còn về vấn đề kinh tế và sinh hoạt thì độc lập nhau, không quan tâm đến đối phương và đều đã từng không chung thủy trong hôn nhân.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà là có thật, hôn nhân của ông bà thật sự không còn hạnh phúc, ông bà đã không còn đủ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Tình nghĩa vợ chồng của ông bà không còn bảo đảm theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện tại, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng G đối với ông Vũ Văn L.

[2.2] Về con chung: Bà G và ông L có 02 con chung là Vũ Trần Gia H, sinh ngày 28/4/2011 và Vũ Trần Ngọc H1, sinh ngày 14/3/2017. Hiện tại, ông bà và các con vẫn còn sống chung với nhau, các con đang phát triển tốt.

Về cháu Vũ Trần Gia H: Cháu H có ý kiến mong muốn được sống chung với bà G, bà G yêu cầu được nuôi cháu H, ông L cũng đồng ý nên giao cháu Vũ Trần Gia H cho bà G trực tiếp nuôi.

Về cháu Vũ Trần Ngọc H1: Cả ông L và bà G đều yêu cầu được nuôi cháu H1. Xét, ông L và bà G đều xác định bà G có thu nhập trung bình là 25.000.000 đồng/tháng, hiện bà bán thuốc tây tại nhà, còn ông L hiện không có thu nhập nên bà G có lợi thế về kinh tế và thời gian để chăm sóc con hơn ông L. Ngoài ra, khi ly hôn thì bà G và các con vẫn tiếp tục sống tại căn nhà hiện tại nên cháu Hạnh sống với bà G và cháu Hân thì sẽ được duy trì môi trường sống ổn định. Còn ông L dự định khoảng vài năm sau sẽ dọn đi nơi khác sinh sống nên việc này sẽ làm thay đổi môi trường sống của cháu H1, có thể ảnh hưởng đến tâm lý của cháu H1. Hơn nữa, từ trước đến nay bà G gần gũi, chăm sóc chủ yếu cho 02 con. Do đó, giao cháu Vũ Trần Ngọc H1 cho bà G trực tiếp nuôi là phù hợp hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu H1. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, không chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Vũ Trần Ngọc H1 cho bà Trần Thị Hồng G trực tiếp nuôi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà G và ông L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà G và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Hồng G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật nhân và gia đình năm 2014; điểm c mục 10 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Hồng G đối với ông Vũ Văn L.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng G được ly hôn với ông Vũ Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Vũ Trần Gia H, sinh ngày 28/4/2011 và Vũ Trần Ngọc H1, sinh ngày 14/3/2017 cho bà Trần Thị Hồng G trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, ông L, bà G có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chưa thành niên. Ông L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì bà G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật, thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Trần Thị Hồng G đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010887 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh A chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng G, ông Vũ Văn L có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương